

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 26-10-2021
“V/v tranh chấp tài sản chung sau
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân thị xã KT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 04/TA-TB ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 808, đường Lê Lợi nối dài, Khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA.

Địa chỉ tạm trú: Số 19 Đường N26, Khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 808, đường Lê Lợi nối dài, Khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Phong – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT, tỉnh LA.

Địa chỉ: Số 04 Đường 30/4, Khu phố 1, P1, thị xã KT, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q.

(Bà T, ông Q có mặt tại phiên tòa; đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh KT vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết trình bày: Bà và ông Q đã ly hôn theo Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã KT. Về vấn đề tài sản chung Tòa án chưa giải quyết, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Q có tạo lập được một khối tài sản chung là một căn nhà cấp bốn được xây dựng trên thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, diện tích là 64m², tọa lạc tại khu phố 5, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh LA và một nhà tạm diện tích 16m², trên phần đất nhà nước quản lý. Nay bà T yêu cầu chia đôi giá trị nhà và đất, bà yêu cầu được nhận nhà và đất vì hiện nay bà và con chung là cháu Nguyễn Thái Nam chưa có chỗ ở, phải ở nhà trọ, bà đồng ý hoàn trả lại cho ông Q số tiền là 450.000.0000 đồng là trên mức 1/2 giá trị nhà và đất theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Hội Nhập ngày 28/12/2020.

Đối với phần nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT, tỉnh LA là 50.000.000 đồng, bà T thừa nhận cùng ông Q ký thế chấp căn nhà và đất tại thửa số 672, tờ bản đồ số 4, diện tích là 64m², tọa lạc tại khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA để vay tiền nhưng số nợ này là nợ riêng của ông Q, bà không có sử dụng số tiền vay này nên không đồng ý liên đới trả theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông và bà Tuyết đã ly hôn theo Bản án số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã KT. Về vấn đề tài sản chung Tòa án chưa giải quyết. Ông Q thừa nhận trong quá thời kỳ hôn nhân, ông và bà T có tạo lập được một khối tài sản chung là một căn nhà cấp bốn được xây dựng trên thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, diện tích là 64m², và một nhà phụ 16m², xây dựng trên phần đất nhà nước quản lý cùng tọa lạc tại khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA. Nay bà Tuyết yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung gồm nhà và đất, ông đồng ý nhưng ông yêu cầu được nhận nhà và đất vì hiện nay ông là người quản lý, gìn giữ và sử dụng căn nhà trên, ông đồng ý hoàn trả lại cho bà T 500.000.000 đồng trong tổng giá trị nhà và đất theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Hội Nhập ngày 28/12/2020.

Đối với phần nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT, tỉnh LA số tiền gốc 50.000.000 đồng, cùng với lãi phát sinh, ông cho rằng đây là phần nợ chung nên yêu cầu bà T liên đới cùng ông trả cho Ngân hàng.

Tại Văn bản số: 61/NHNN-KT ngày 09/3/2021 và Văn bản số: 99/NHNN-KT ngày 05/4/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kiến Tường trình bày yêu cầu

độc lập như sau: Ngày 11/01/2017, ông Q có ký hợp đồng tín dụng số P 11080/HĐTD với Ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng, mục đích vay để sửa nhà. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11/01/2017. Ông Q, bà T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/7/2017 số P11080/HĐTD thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, diện tích là 64m², tọa lạc tại khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA để đảm bảo khoản vay trên. Hiện ông Q và bà Tuyết còn nợ lại ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Do đó ngân hàng yêu cầu ông Q và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 05/4/2021 là 1.383.333 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 51.383.333 đồng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 05-4-2021 của Toà án nhân dân thị xã KT đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 33, 37, 38, 62 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn Q về việc “chia tài sản sau khi ly hôn”.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải giao và chia cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ tài sản chung gồm một căn nhà cấp 4 có kết cấu móng đà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn laphong, nền gạch men có chiều ngang là 4m dài 16m tổng diện tích là 64m² và toàn bộ thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², nhà và đất tọa lạc tại khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00207 cấp ngày 18/3/2014 do ông Nguyễn Văn Q đứng tên có họa đồ trích đo trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cùng với căn nhà phụ (nhà tạm) có kết cấu móng đà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn laphong, nền gạch men có chiều ngang là 4m dài 4m tổng diện tích là 16m², xây dựng trên phần đất nhà nước quản lý tọa lạc tại Khu phố 5, phường 1, thị xã KT, tỉnh LA.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 450.000.000 đồng (trong tổng tài sản chung gồm một căn nhà cấp 4, một nhà phụ (nhà tạm) và thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², nhà và đất tọa lạc tại khu phố 5, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh LA có tổng giá trị là 787.064.000 đồng).

3. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/4/2021 là 1.383.333 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 51.383.333 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi

hành án thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT được quyền ưu tiên phát mãi toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp tài sản số P11080/HĐTC ngày 11/01/2017 thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q thì Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục giấy tờ để được đứng tên quyền sử dụng đối với thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², tọa lạc tại khu phố 5, P1, thị xã KT, tỉnh LA theo quy định của pháp luật ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q như đã nêu trên.

4. Về chi phí tố tụng buộc ông Nguyễn Văn Q phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T phải liên đới phải chịu số tiền án phí nợ chung là 2.569.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền là 22.000.000 đồng án phí chia tài sản chung sung ngân sách nhà nước. Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí chia tài sản chung là 16.853.200 đồng sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009484 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền là 5.853.200 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu số 0009610 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 20/4/2021, ông Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm,

yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Ông yêu cầu căn nhà số 808, đường Lê Lợi nổi dài, Khu phố 5, Phường 1 sang tên cho con ông là Nguyễn Thái Nam, sinh ngày 03/10/2013. Nếu bà Nguyễn Thị T không chấp nhận theo yêu cầu của ông thì ông đề nghị bà T phải gửi lại cho ông số tiền 550.000.000 đồng.

- Nay ông rút lại kháng cáo là không yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 550.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Nguyễn Văn Q tranh luận:

Nhà và đất nêu trên được tạo lập từ nguồn tiền do em ruột của ông cho nên đất là tài sản riêng của ông. Ông đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà, đất. Ông sẽ giao cho bà Nguyễn Thị T số tiền 550.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T tranh luận:

+ Việc tạo lập nhà và đất nêu trên là từ nguồn tiền do bên nội, bên ngoại cho chung vợ chồng chứ không phải cho riêng ông Q. Bà đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà, đất nêu trên, không đồng ý nhận số tiền 550.000.000 đồng để giao nhà, đất cho ông Q.

+ Sau khi phân chia tài sản chung, phần tài sản của ông Q thì ông có quyền cho con, còn phần của bà thì bà có quyền định đoạt nên không thống nhất giao cho con bây giờ.

+ Bên cạnh đó, bà chỉ đồng ý trả cho ông số tiền bằng $\frac{1}{2}$ giá trị Chứng thư thẩm định giá, không đồng ý trả cho ông số tiền 450.000.000 đồng như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, diện tích 64m² tọa lạc tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA, trên đất có 1 căn nhà cấp 4. Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần đầu tư và Thẩm định giá Hội Nhập ngày 28/12/2020 có tổng giá trị tài sản chung là 787.064.000 đồng. Bà T hiện đang nuôi con chung tên là Nguyễn Thái Nam, sinh năm ngày 03/10/2013 và đang ở nhà trọ nên yêu cầu nhận đất và nhà là phù hợp. Ông Q mặc dù đang là người quản lý, sử dụng, gìn giữ khối tài sản trên nhưng là nam giới và sống một mình nên cần ưu tiên cho phụ nữ và trẻ em. Do đó, việc giao toàn bộ căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất 672 cùng với căn nhà phụ (nhà tạm) 16m² cho bà T sở hữu, sử dụng và bà T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Q số tiền là 450.000.000 đồng trong tổng giá trị tài sản chung là

787.064.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy kháng cáo của Nguyễn Văn Q không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn Q kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh KT có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q đều thừa nhận đã ly hôn theo bản án số 17/2019/HNGĐ-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã KT; chưa giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, ông Q, bà T cũng thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà cấp 4, có kết cấu móng đà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn, la phong, nền gạch men có chiều ngang là 4m dài 16m tổng diện tích là 64m² do ông bà xây dựng năm 2014, được xây dựng trên thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên và một nhà phụ diện tích 16m², kết cấu tường gạch, cột móng bê tông cốt thép, lát gạch men, có la phong, mái tole, xây dựng trên phần đất nhà nước quản lý, tọa lạc tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q cho rằng quyền sử dụng đất thửa 672 nêu trên là của riêng ông Q nhưng ông Q không xuất trình được tài liệu chứng minh; đồng thời ông Q cũng không có kháng cáo phần này nên không được Hội đồng xét xử xem xét là theo quy định của pháp luật.

[2.3] Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Hội Nhập ngày 28/12/2020 thì nhà đất là tài sản chung nêu trên có giá trị là 787.064.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm bà T đồng ý trả hoàn trả cho ông Q 450.000.000 đồng là có lợi cho Q. Nay bà T thay đổi chỉ đồng ý trả cho ông Q số tiền bằng ½ giá trị Chứng thư nhưng bà T không có kháng cáo nên không có cơ sở xem xét. Bên cạnh đó, tại phiên tòa sơ thẩm ông Q cũng thừa nhận rằng số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh KT là nợ riêng của ông Q. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết này để khấu trừ vào giá trị tài sản chung mà vẫn buộc bà T có trách nhiệm liên đới cùng với ông Q trả nợ Ngân hàng và bà T không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét là tiếp tục có lợi cho ông Q.

[2.4] Tại phiên tòa, ông Q rút lại một phần kháng cáo là không yêu cầu bà T giao cho ông số tiền 550.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

[2.5] Về thời hạn lưu cư: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho ông Q có quyền lưu tại nhà và đất nêu trên là thiếu sót vì cần có thời gian cho ông Q tạo lập chỗ ở mới. Do đó, cần áp dụng Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho ông Q có quyền lưu cư trong nhà đất trên với thời hạn là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

Từ đó thấy rằng lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận, cần bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Q phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293, 289, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 33, 37, 38, 62, 63 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn Q về việc “chia tài sản sau khi ly hôn”.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải giao và chia cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ tài sản chung gồm một căn nhà cấp 4 có kết cấu móng đà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn laphong, nền gạch men có chiều ngang là 4m dài 16m tổng diện tích là 64m² và toàn bộ thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², nhà và đất tọa lạc tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh LA (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00207 cấp ngày 18/3/2014 do ông Nguyễn Văn Q đứng tên có họa đồ trích đo trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cùng với căn nhà phụ (nhà tạm) có kết cấu móng đà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn laphong, nền gạch men có chiều ngang

là 4m dài 4m tổng diện tích là 16m², xây dựng trên phần đất nhà nước quản lý tọa lạc tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA, sau 06 tháng lưu cư kể từ ngày 24/9/2021.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 450.000.000 đồng (trong tổng tài sản chung gồm một căn nhà cấp 4, một nhà phụ (nhà tạm) và thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², nhà và đất tọa lạc tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA có tổng giá trị là 787.064.000 đồng).

[3] Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/4/2021 là 1.383.333 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 51.383.333 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT được quyền ưu tiên phát mãi toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp tài sản số P11080/HĐTC ngày 11/01/2017 thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu phố 5, phường 1, thị xã KT, tỉnh LA.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q thì Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục giấy tờ để được đứng tên quyền sử dụng đối với thửa đất số 672, tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, diện tích 64m², tọa lạc tại khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh LA theo quy định của pháp luật ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT và ông Nguyễn Văn Q như đã nêu trên.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[4] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị T giao cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 550.000.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng buộc ông Nguyễn Văn Q phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T phải liên đới phải chịu số tiền án phí nợ chung là 2.569.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền là 22.000.000 đồng án phí chia tài sản chung sung ngân sách nhà nước. Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí chia tài sản chung là 16.853.200 đồng sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009484 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã KT, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền là 5.853.200 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu số 0009610 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông Q đã tạm nộp theo biên lai thu số 0009641 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã KT, tỉnh LA.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh